

Bản án số: **39/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-3-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Ông Nguyễn Lương Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 844/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Xóm D, thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: Tổ F, khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Hà Thanh T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ F, khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: Bà và ông Hà Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về các vấn đề khác trong gia đình. Do đó ông bà thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc. Hiện tại ông bà không còn quan tâm, giúp đỡ nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Hà T2 T.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị B1 ông Hà Thanh T1 03 con chung là Hà Thanh H ngày: 20/4/2006; Hà Thị T2 T1sinh ngày: 30/9/2012 và Hà Thị Thanh P ngày: 17/9/2015. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị B yêu cầu được nuôi 02 con chung là Hà Thị T2 T1và Hà Thị Thanh P1 không yêu cầu ông Hà Thanh T cấp dưỡng nuôi con; con chung Hà Thanh H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị B trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị B trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Thanh T3 bày: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra xích mích là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên những mâu thuẫn này không gay gắt, nghiêm trọng đến mức khiến cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy ông không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị B

Về con chung: Nếu bà Huỳnh Thị B2 quyết ly hôn thì đối với 02 con chung là Hà Thị Thanh P ngày: 17/9/2015; Hà Thị T2 T1sinh ngày: 30/9/2012 sẽ do cả bố và mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đề nghị Tòa án không giải quyết yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai người con chung và không yêu cầu ông Hà Thanh Tcấp D nuôi con chung của bà Huỳnh Thị B

Về tài sản chung và nợ chung: ông Hà Thanh T4 có lời khai về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Huỳnh Thị B khởi kiện ông Hà Thanh T về việc Ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Hà Thanh T có nơi cư trú tại tổ F, khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng NaiNên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị B khởi kiện ông Hà Thanh T nên xác định bà B là nguyên đơn, ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Hà Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị B theo quy định tại

khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Hà Thanh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B và ông Hà Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã B5, huyện T, tỉnh Bình Định hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B, nhận thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về các vấn đề khác trong gia đình. Do đó ông bà thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại ông bà không còn quan tâm, giúp đỡ nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Hà T2 T.

Hà Thanh T3 bày: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra xích mích là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên những mâu thuẫn này không gay gắt, nghiêm trọng đến mức khiến cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy ông không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị B

Ông Hà Thanh T4 đồng ý ly hôn với và B3 ông T5 không đưa ra được lý do chính đáng để đoàn tụ vợ chồng và trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Hà Thanh T đến tham gia các buổi hòa giải, xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, bà B cương quyết xin ly hôn nhưng ông T không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để bà B1 ông T đoàn tụ vợ chồng nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng thờ ơ về việc bà B xin ly hôn với ông nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà B và ông T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Bà Huỳnh Thị B1 ông Hà Thanh T1 03 con chung là Hà Thanh H ngày: 20/4/2006; Hà Thị T2 T1 sinh ngày: 30/9/2012 và Hà Thị Thanh P ngày: 17/9/2015. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị B4 cầu được nuôi 02 con chung là Hà Thị T2 T1 và Hà Thị Thanh P2 chung Hà Thanh H2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, con chung Hà Thị T2 T1 và Hà Thị Thanh P1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên giao cháu Hà Thị T2 T1 cháu Hà Thị Thanh P1 cho bà B tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Con chung Hà Thanh H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị B tạm thời không yêu cầu ông Hà Thanh T cấp dưỡng nuôi con để nuôi cháu Hà Thị T2 T1 cháu H Ông Hà Thanh T đề nghị không giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Hà Thanh T không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị B trình bày không có. Ông Hà Thanh T không có lời khai do vậy không giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Hà T2 T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 24, Quyền số 01, ngày 15 tháng 8 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã B5, huyện T, tỉnh Bình Định cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị B1 ông Hà Thanh T1 03 con chung là Hà Thanh H ngày: 20/4/2006; Hà Thị T2 T1sinh ngày: 30/9/2012 và Hà Thị Thanh P ngày: 17/9/2015.

Giao 02 con chung là cháu Hà Thị T2 T1cháu Hà Thị Thanh P1 cho mẹ là bà Huỳnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Còn con chung Hà Thanh H1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời bà Huỳnh Thị B không yêu cầu ông Hà Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Hà Thanh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án

phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0026326 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Bà Huỳnh Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị B, ông Hà Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải